

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC
DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
-----***-----

Số: 15 /CV-TASA DH - 2014

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2014

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD
Quý I/2014)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0313.614.018. FAX: 0313.614.016

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Quý 1/2014	Quý 1/2013	Chênh lệch	
			+/ -	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.135.889.729	4.990.990.355	1.144.899.374	
Giá vốn hàng bán	5.214.754.973	4.037.073.017	1.177.681.956	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	921.134.756	953.917.338	(32.782.582)	-3%
Doanh thu hoạt động tài chính	5.762.255.122	6.336.534.527	(574.279.405)	-9%
Chi phí tài chính	315.547.352	50.952.571	264.594.781	519%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	690.210.427	682.814.009	7.396.418	1%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.677.632.099	6.556.685.285	(879.053.186)	-13%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.476.459.055	6.499.452.233	(1.022.993.178)	-16%

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý I/2014 giảm 16,00% so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân :

- + Khoản mục doanh thu tài chính giảm 9.% so cùng kỳ do Lợi nhuận quý I/2014 của các công ty con nộp lên Công ty Mẹ thấp hơn quý I/2013
- + Chi phí tài chính tăng 519 % so cùng kỳ do Quý I/2013 Công ty Mẹ phải đi vay vốn để cho các Công ty con vay, quý I/2013 chi phí này phát sinh ít.

+ Một số dịch vụ đầu ra Công ty không tăng được giá nhưng chi phí, giá vốn đầu vào (điện nước, xăng dầu...vv) lại tăng.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Chí Hùng



CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Địa chỉ: Số 189 đường đi Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2014

Tháng 04 năm 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

STT	NỘI DUNG	TRANG
	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2014</i>	1-2
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý I năm 2014</i>	3
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý I năm 2014</i>	4
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý I năm 2014</i>	5-24

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39,351,016,662	44,754,921,661
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,510,732,535	8,537,301,384
1. Tiền	111	V.1	1,510,732,535	8,537,301,384
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	17,300,000,000	16,059,500,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		17,300,000,000	16,059,500,000
III. Các khoản phải thu	130		9,417,243,035	6,611,223,497
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	2,686,234,274	2,639,055,071
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	100,000,000	100,000,000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.5	6,631,008,761	3,872,168,426
IV. Hàng tồn kho	140		4,836,144,606	4,836,144,606
1. Hàng tồn kho	141	V.6a	5,473,524,606	5,473,524,606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.6b	(637,380,000)	(637,380,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,286,896,486	8,710,752,174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	152	V.7	160,368,094	309,668,935
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	154	V.8		18,100,727
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,126,528,392	8,382,982,512
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162,810,968,485	162,844,977,388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7,783,893,569	8,144,636,264
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	7,783,893,569	8,144,636,264
- Nguyên giá	222		13,963,286,755	13,963,286,755
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6,179,393,186)	(5,818,650,491)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		154,595,120,074	154,195,120,074
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	128,595,120,074	128,595,120,074
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	26,000,000,000	25,600,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		431,954,842	505,221,050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	431,954,842	505,221,050
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		202,161,985,147	207,599,899,049

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng

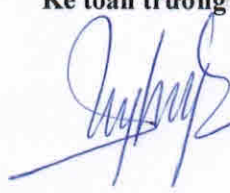
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		19,368,721,887	21,349,330,143
I. Nợ ngắn hạn	310		19,206,221,888	20,999,330,143
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	16,157,232,645	16,951,737,376
2. Phải trả người bán	312	V.14	931,819,283	1,554,790,974
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	679,386,353	679,386,353
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	280,570,544	263,720,730
5. Phải trả công nhân viên	315		92,865,245	83,557,520
6. Chi phí phải trả	316		-	20,333,333
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	679,915,431	1,403,081,790
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		384,432,387	42,722,067
II. Nợ dài hạn	320		162,499,999	350,000,000
1. Vay và nợ dài hạn	323	V.18		
2. Phải trả dài hạn khác	324	V.19	162,499,999	350,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182,793,263,260	186,250,568,906
I. Vốn chủ sở hữu	410		182,793,263,260	186,250,568,906
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	128,700,000,000	128,700,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,615,359,500	9,615,359,500
3. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		(2,524,789,900)	(2,524,789,900)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		337,506,100	225,534,038
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		46,665,187,560	50,234,465,268
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		202,161,985,147	207,599,899,049

Người lập



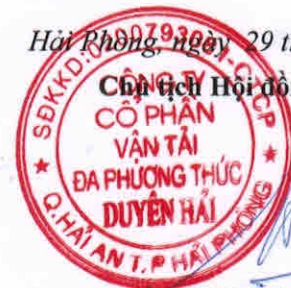
Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2014



Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ I NĂM 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	6,135,889,729	4,990,990,355	6,135,889,729	4,990,990,355
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	03				-	-
+ Hàng bán bị trả lại					-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6,135,889,729	4,990,990,355	6,135,889,729	4,990,990,355
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.22	5,214,754,973	4,037,073,017	5,214,754,973	4,037,073,017
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		921,134,756	953,917,338	921,134,756	953,917,338
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	5,762,255,122	6,336,534,527	5,762,255,122	6,336,534,527
7 Chi phí tài chính	22	VI.24	315,547,352	50,952,571	315,547,352	50,952,571
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		315,547,352	50,952,571	315,547,352	50,952,571
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		690,210,427	682,814,009	690,210,427	682,814,009
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,677,632,099	6,556,685,285	5,677,632,099	6,556,685,285
11 Thu nhập khác	31				-	-
12 Chi phí khác	32				-	-
13 Lợi nhuận khác	40				-	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,677,632,099	6,556,685,285	5,677,632,099	6,556,685,285
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	201,173,044	57,233,052	201,173,044	57,233,052
16 Chi phí thuế TNDN giảm						
17 Chi phí thuế TNDN phải nộp	52		-	-		
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,476,459,055	6,499,452,233	5,476,459,055	6,499,452,233

Người lập


Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng


Nguyễn Thu Thủy



Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Bùi Chí Hùng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
cho kỳ kế toán từ ngày 01-01-2014 đến ngày 31-03-2014

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: Đồng	
		Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5,832,391,886	4,701,069,559
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(2,639,252,230)	(8,893,403,480)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(353,096,396)	(263,606,776)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(326,214,018)	(50,952,571)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(260,642,730)	(127,018,781)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13,269,416,535	16,715,240,224
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14,224,046,628)	(18,905,578,012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,298,556,419	(6,824,249,837)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3,150,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,509,500,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,240,425,991	8,182,091,818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,599,925,991	8,182,091,818
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	510,000,000	3,725,399,354
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4,069,045,720)	(2,054,562,772)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6,366,005,539)	(6,688,901,025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9,925,051,259)	(5,018,064,443)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7,026,568,849)	(3,660,222,462)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8,537,301,384	4,914,169,156
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,510,732,535	1,253,946,694

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2014

Người lập

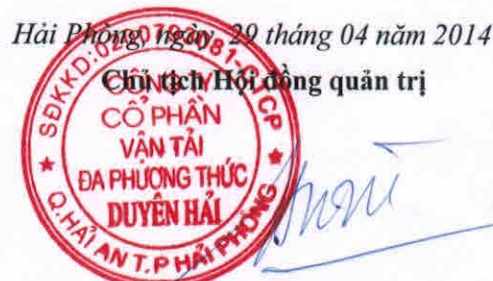


Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Bùi Chí Hùng

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ móc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá ; Cho thuê container ;
- Cho thuê xe có động cơ.

Công ty có các Công ty con sau :

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2014.

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 11 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2014.

• **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 10 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2014.

• **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 03 tháng 09 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2014.

• **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2014.

• Công ty TNHH Container Minh Thành

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2014.

• Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2014.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm..

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“ VND ”), phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5);

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ giá trị đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

Tiền lãi:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức:

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 là 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1	31/03/2014	31/12/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền		<i>ĐVT: đồng</i>
	<u>31/03/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Tiền mặt	1,011,329,179	715,221,852
Tiền gửi ngân hàng	499,403,356	7,822,079,532
Cộng	<u><u>1,510,732,535</u></u>	<u><u>8,537,301,384</u></u>
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>31/03/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Đầu tư ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (1)	7,800,000,000	7,559,500,000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (2)	8,000,000,000	7,000,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành (3)	1,500,000,000	1,500,000,000
Cộng	<u><u>17,300,000,000</u></u>	<u><u>16,059,500,000</u></u>
<p>(1). Khoản đầu tư của Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 01/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư mua sắm bổ sung phương tiện vận tải.</p> <p>(2). Khoản đầu tư của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 02/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư, xây mới Trung tâm bảo hành, xưởng sửa chữa, văn phòng làm việc.</p> <p>(3). Khoản đầu tư của Công ty TNHH Container Minh Thành theo Hợp đồng cho vay số 03/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư, sửa chữa bãi container, kệ hồ sinh thái.</p>		
3 Phải thu khách hàng	<u>31/03/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
3.1 Phải thu các bên liên quan	<u>1,309,411,468</u>	<u>663,926,992</u>
(Xem phần thuyết minh BCTC mục VI.29)		
3.2 Phải thu thương mại	<u>1,376,822,806</u>	<u>1,975,128,079</u>
Cộng	<u><u>2,686,234,274</u></u>	<u><u>2,639,055,071</u></u>
4 Trả trước cho người bán	<u>31/03/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội	100,000,000	100,000,000
Cộng	<u><u>100,000,000</u></u>	<u><u>100,000,000</u></u>
5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	<u>31/03/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
5.1 Phải thu khác của các bên liên quan	<u>258,311,111</u>	<u>216,093,087</u>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	54,355,556	59,755,556
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	55,844,444	34,933,333
Công ty TNHH Container Minh Thành	148,111,111	121,404,198
5.2 Phải thu lợi nhuận của các Công ty con	<u>6,146,917,199</u>	<u>3,562,789,198</u>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	745,222,646	68,804,816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2,614,388,497	2,135,163,327
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1,988,447,151	309,545,441
	Công ty TNHH Container Minh Thành	387,309,174	664,009,899
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	396,636,954	385,265,715
	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	14,912,777	
5.3	Phải thu đối tượng khác	225,780,451	93,286,141
	Phải thu khác của cán bộ nhân viên	225,780,451	93,286,141
	Cộng	6,631,008,761	3,872,168,426
6a	Hàng tồn kho	31/03/2014	31/12/2013
	Hàng tồn kho	5,473,524,606	5,473,524,606
	Cộng	5,473,524,606	5,473,524,606
6b	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	31/03/2014	31/12/2013
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(637,380,000)	(637,380,000)
	Cộng	(637,380,000)	(637,380,000)
7	Chi phí trả trước ngắn hạn	31/03/2014	31/12/2013
	Chi phí trả trước ngắn hạn	160,368,094	309,668,935
	Cộng	160,368,094	309,668,935
8	Thuế GTGT được khấu trừ	31/03/2014	31/12/2013
	Thuế GTGT được khấu trừ		18,100,727
	Cộng	-	18,100,727
9	Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình <Phụ lục 01>		
10	Các khoản đầu tư vào Công ty con	31/03/2014	31/12/2013
	- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	14,503,099,339	14,503,099,339
	- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	32,867,444,563	32,867,444,563
	- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45,655,576,172	45,655,576,172
	- Công ty TNHH MTV VT Đa PT Duyên Hải Hà Nội	2,520,000,000	2,520,000,000
	- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6,500,000,000	6,500,000,000
	- Công ty TNHH Container Minh Thành	25,550,000,000	25,550,000,000
	- Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	999,000,000	999,000,000
	Cộng	128,595,120,074	128,595,120,074
11	Đầu tư dài hạn khác	31/03/2014	31/12/2013
	Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội (1)	10,000,000,000	10,600,000,000
	Công ty TNHH Container Minh Thành (2)	16,000,000,000	15,000,000,000
	Cộng	26,000,000,000	25,600,000,000

(1). Khoản đầu tư của Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội theo Hợp đồng cho vay số 05/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội dùng khoản vay này để thanh toán 26 xe container.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

(2). Khoản đầu tư của Công ty TNHH Container Minh Thành theo Hợp đồng cho vay số 10/HDCVV/2013 ngày 10 tháng 12 năm 2013, lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 24 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty con dùng nguồn vay này để sửa chữa, nâng cấp bãi và thanh toán khoản nợ đến hạn của cá nhân.

12 Chi phí trả trước dài hạn	31/03/2014	31/12/2013
Chi phí sửa chữa xe nâng số 5	389,668,125	445,335,000
Chi phí trả trước dài hạn khác	42,286,717	59,886,050
Cộng	431,954,842	505,221,050
13 Vay và nợ ngắn hạn	31/03/2014	31/12/2013
Vay ngắn hạn		
a. Ngân hàng	1,247,232,645	2,051,737,376
Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN - CN Đông Hải Phòng (1*)	1,247,232,645	2,051,737,376
b. Đối tượng khác	14,910,000,000	14,900,000,000
Đặng Hồng Quân (2*)	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải (3*)	13,600,000,000	13,900,000,000
Nguyễn Văn Thuận(4*)	160,000,000	-
Phạm Thị Minh(5*)	150,000,000	-
Cộng	16,157,232,645	16,951,737,376

(*). Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2285181.001/2012/HĐTD ngày 26/12/2012 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải. Mức dư nợ tối đa: 3.000.000.000 đồng, lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 10 xe Ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu và 01 xe cần trục bánh lốp TADANA, 01 xe cần trục bánh lốp KATO

(2*). Khoản vay của Ông Đặng Hồng Quân theo Hợp đồng vay ngày 05 tháng 02 năm 2013, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay dưới 12 tháng. Vay bằng tín chấp.

(3*). Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

(4*). Khoản vay của Ông Nguyễn Văn Thuận theo Hợp đồng vay số 02/HDCVV ngày 20 tháng 01 năm 2014, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng. Vay bằng tín chấp.

(5*). Khoản vay của Bà Phạm Thị Minh theo Hợp đồng vay số 03/HDCVV/2014 ngày 17 tháng 02 năm 2014, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng. Vay bằng tín chấp.

14 Phải trả người bán	31/03/2014	31/12/2013
14.1 Phải trả các bên liên quan (xem phần thuyết minh BCTC mục 29)	888,607,667	1,483,953,740
14.2 Phải trả thương mại	43,211,616	70,837,234
Cộng	931,819,283	1,554,790,974
15 Người mua trả tiền trước	31/03/2014	31/12/2013
CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại HP	22,386,353	22,386,353
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	657,000,000	657,000,000
Cộng	679,386,353	679,386,353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

	31/03/2014	31/12/2013
16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	201,173,044	260,642,730
Thuế đất		
Thuế thu nhập cá nhân	44,071,365	3,078,000
Thuế GTGT đầu ra	35,326,135	
Cộng	280,570,544	263,720,730
17 Các khoản phải trả phải nộp khác		
17.1 Phải trả phải nộp các bên liên quan	94,000,000	84,333,333
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	94,000,000	84,333,333
17.2 Phải trả phải nộp khác	585,915,431	1,318,748,457
Thuế TNCN, BHXH, BHYT	6,816,420	5,477,520
Phải trả khác	104,521,722	533,626,323
Doanh thu chưa thực hiện	73,962,324	295,849,299
Phải trả cổ tức	364,985,350	445,521,350
Các đối tượng khác	35,629,615	38,273,965
Cộng	679,915,431	1,403,081,790
18 Vay và nợ dài hạn		
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN- CN Đông HP (*)		
Cộng	-	-
19 Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	162,499,999	350,000,000
Cộng	162,499,999	350,000,000
20 Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu <Phụ lục số 02>		
b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	31/03/2014	31/12/2013
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	78,924,900,000	78,938,100,000
Vốn góp của CBCNV	17,194,270,000	8,206,170,000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	32,580,830,000	41,555,730,000
Cộng	128,700,000,000	128,700,000,000
c. Cổ phiếu		
	31/03/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,870,000	12,870,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,620,000	12,620,000
Cổ phiếu phổ thông	12,620,000	12,620,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Số lượng cổ phiếu quỹ	250,000	250,000
Cổ phiếu phổ thông	250,000	250,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,620,000	12,620,000
Cổ phiếu phổ thông	12,620,000	12,620,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu		

10
* SDKZ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	<u>Quý I năm 2014</u>	<u>Quý I năm 2013</u>
21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ:</i>		
+ Doanh thu Shipline	520,073,679	575,653,700
+ Doanh thu khai thác CFS	1,115,876,347	1,332,194,313
+ Doanh thu bãi	542,976,372	209,874,578
+ Doanh thu vận tải	204,689,998	514,449,999
+ Doanh thu thương mại, dịch vụ	3,752,273,333	2,358,817,765
Cộng	6,135,889,729	4,990,990,355
22 Giá vốn dịch vụ:	<u>Quý I năm 2014</u>	<u>Quý I năm 2013</u>
+ Giá vốn Shipline	521,066,411	574,465,067
+ Giá vốn khai thác CFS	1,115,876,352	1,331,894,314
+ Giá vốn bãi	542,976,372	209,874,575
+ Giá vốn vận tải	168,281,362	456,882,187
+ Giá vốn thương mại, dịch vụ	2,866,554,476	1,463,956,874
Cộng	5,214,754,973	4,037,073,017
23 Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Quý I năm 2014</u>	<u>Quý I năm 2013</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4,262,230	8,781,449
- Lợi nhuận được chia từ các công ty con	4,763,209,171	6,327,753,078
- Chênh lệch tỷ giá		
- Doanh thu HĐTC khác		
- Lãi cho vay theo HĐ	994,783,721	
Cộng	5,762,255,122	6,336,534,527
24 Chi phí hoạt động tài chính	<u>Quý I năm 2014</u>	<u>Quý I năm 2013</u>
- Chênh lệch tỷ giá	-	
- Chi phí lãi vay ngân hàng	52,492,751	50,952,571
- Chi phí lãi vay ngoài, vay nội bộ	263,054,601	
Cộng	315,547,352	50,952,571
25 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>Quý I năm 2014</u>	<u>Quý I năm 2013</u>
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,677,632,099	6,556,685,285
2. Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế	4,763,209,171	6,327,753,078
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế		
4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ (4=1-2+3)	914,422,928	228,932,207
5. Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (6=5*4)	201,173,044	57,233,052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

7. Số thuế được miễn giảm theo thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012

8. Thuế TNDN phải nộp quý1/2014(9=6-7) 201,173,044 57,233,052

27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý I năm 2014	Quý I năm 2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,450,000,000	
Chi phí nhân công		
Chi phí khấu hao TSCĐ	341,258,130	341,258,130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,423,496,843	3,695,814,887
Chi phí bằng tiền khác		
Cộng	5,214,754,973	4,037,073,017

28 Một số chỉ tiêu cơ bản Tại ngày
31/03/2014

a. Bố trí cơ cấu tài sản:

- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%) 81%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%) 19%

b. Tỷ suất sinh lợi:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%) 89%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%) 3%

c. Tình hình tài chính:

- Tỷ lệ nợ phải trả /Tổng tài sản 10%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%) 9%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu) 4%

29 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ (từ 01-01-2014 đến 31-03-2014) gồm;

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (đồng)
TT Doanh thu		
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	551,832,853
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	22,228,174
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	588,587,779
4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	41,142,217
5 Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

6	Công Ty TNHH Container Minh Thành	Doanh thu dịch vụ	1,451,131,930
7	Cty TNHH MTVVT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	2,010,526
	Cộng		2,656,933,479

TT	Giá vốn		Số tiền (đồng)
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	1,689,287,983
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	715,916,825
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	149,255,000
	Cộng		2,554,459,808

TT	Doanh thu hoạt động tài chính		
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	819,446,189
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	469,136,219
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	729,533,748
4	Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận được chia	2,426,714,306
5	Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	14,598,824
6	Công Ty TNHH Container Minh Thành	Lợi nhuận được chia	303,779,885
	Cộng		4,763,209,171

Số dư giao dịch với các bên liên quan

-Đầu tư ngắn hạn khác	Mối quan hệ	Tại ngày 31/03/2014
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	7,800,000,000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	8,000,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	1,500,000,000
Cộng		17,300,000,000

-Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Tại ngày 31/03/2014
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	25,125,479
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	425,040,000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	7,600,000
Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải	Công ty con	256,645,989
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	595,000,000
Cộng		1,309,411,468

-Các khoản phải thu khác		Tại ngày 31/03/2014
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	799,578,202
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	2,670,232,941
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	535,420,285
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con	14,912,777
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	1,988,447,151
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	396,636,954
Cộng		6,405,228,310

- Đầu tư dài hạn khác		Tại ngày 31/03/2014
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	16,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải Đa phương thức Duyên Hải HN	Công ty con	10,000,000,000
Cộng		26,000,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

- Phải trả người bán		Tai ngày 31/03/2014
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	Công ty con	666,654,214
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	176,633,453
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	45,320,000
Cộng		888,607,667
-Người mua trả tiền trước		Tai ngày 31/03/2014
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		657,000,000
Cộng		657,000,000
-Vay ngắn hạn		Tai ngày 31/03/2014
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		13,600,000,000
Cộng		13,600,000,000

30 Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo (Xem Mục 16, phần Thuyết minh).

31 Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính)

Đơn vị tính: đồng

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ Tại ngày 31/03/2014
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,510,732,535
Đầu tư ngắn hạn khác	17,300,000,000
Phải thu khách hàng	2,686,234,274
Phải thu khác	6,631,008,761
Cộng	28,127,975,570
	Giá trị ghi sổ Tại ngày 31/03/2014
Nợ phải trả tài chính	
Ngắn hạn	17,768,967,359
Vay và nợ ngắn hạn	16,157,232,645
Phải trả người bán	931,819,283
Các khoản phải trả phải nộp khác	679,915,431
Dài hạn	162,499,999
Phải trả dài hạn khác	162,499,999
Vay và nợ dài hạn	-
Cộng	17,931,467,358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Đơn vị tính: đồng)

32 Một số chỉ tiêu cần được cần giải thích trên thuyết minh báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

a. **Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được**

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013
Vay để trả trực tiếp cho người bán	2,764,540,989	725,399,354
Cộng	2,764,540,989	725,399,354

b. **Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia**

Trong đó:

Lợi nhuận được chia từ các công ty con

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	729,533,748	341,980,015
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	469,136,219	1,136,282,615
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2,426,714,306	3,582,859,902
Công ty TNHH Container Minh Thành	303,779,885	538,904,913
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	14,598,824	23,186,972
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	819,446,189	704,538,661
Cộng	4,763,209,171	6,327,753,078

c. **Cổ tức trả cho chủ sở hữu**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013
Dùng để trả cổ tức cho cổ đông, Công ty mẹ	6,366,005,539	6,486,070,025

VIII Thông tin khác

33 **Thông tin so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2013 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán. Hà Nội.

34 **Thông tin về tính hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

35 **Thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do sự áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo các cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập

Kế toán trưởng


Nguyễn Thu Thủy


Nguyễn Thu Thủy



Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Bùi Chí Hùng

PHỤ LỤC 01 A:

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm		31,348,182	13,847,373,207	84,565,366	13,963,286,755
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác	-		-		-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-			-	-
Số dư cuối kỳ	-	31,348,182	13,847,373,207	84,565,366	13,963,286,755
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		14,803,308	5,744,789,394	59,057,789	5,818,650,491
- Khấu hao trong kỳ		2,612,348	355,943,983	2,186,364	360,742,695
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-		-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	17,415,656	6,100,733,377	61,244,153	6,179,393,186
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	16,544,874	8,102,583,813	25,507,577	8,144,636,264
- Tại ngày cuối kỳ	-	13,932,526	7,746,639,830	23,321,213	7,783,893,569



PHU LUC 02:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: *Đồng*

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu Quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128,700,000,000	9,615,359,500	177,909,956	(982,776,400)	38,901,772,468	176,412,265,524
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước			-		27,270,867,540	27,270,867,540
Tăng khác			47,624,082		-	47,624,082
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	1,542,013,500	15,938,174,740	17,480,188,240
						-
2. Số dư cuối năm trước	128,700,000,000	9,615,359,500	225,534,038	(2,524,789,900)	50,234,465,268	186,250,568,906
3. Số dư đầu năm nay	128,700,000,000	9,615,359,500	225,534,038	(2,524,789,900)	50,234,465,268	186,250,568,906
Tăng vốn trong kỳ này		-				-
Lãi trong kỳ	-	-			5,476,459,055	5,476,459,055
Tăng khác	-	-	111,972,062			111,972,062
Giảm vốn trong kỳ này	-	-				-
Lỗ trong kỳ	-	-				-
Giảm khác	-	-			9,045,736,763	9,045,736,763
						-
4. Số dư cuối kỳ	128,700,000,000	9,615,359,500	337,506,100	(2,524,789,900)	46,665,187,560	182,793,263,260

